

Tập 85

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bốn mươi một.

Trong phần Dị Giải, những quan điểm được nêu ra trong các bản chú sớ của cô đức đương nhiên đều rất có lý, đều chẳng mâu thuẫn với chánh kinh.

Hôm nay, đoạn văn chúng ta sắp thảo luận chính là lời quyết đoán của Liên Trì đại sư: Tông Thú thật sự rốt ráo ở chỗ nào.

(Huyền Nghĩa) Thử kinh tông hồ Pháp Tánh, ư Pháp Tánh trung, phục phân tổng biệt, tổng nhi hợp chi, vị thị y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, dĩ vi Tông Thú.

(玄義)此經宗乎法性，於法性中，復分總別，總而合之，謂是依正清淨，信願往生，以為宗趣。

(Huyền Nghĩa: Kinh này đề cao Pháp Tánh. Trong Pháp Tánh, lại chia thành Tổng và Biệt. Trong phần Tổng [Tông Thú], nói gộp lại [những ý kiến của chư cô đức] thì lấy “y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh” làm Tông Thú).

Ý nghĩa này quả thật đã khái quát rất viên mãn những ý kiến về Tông Thú do cô đức đề ra. Trước tiên nói “*tông hồ Pháp Tánh*” (đề cao Pháp Tánh), vì trong Ngũ Giáo, pháp môn Niệm Phật thuộc về Đại Thừa Chung Giáo, cũng là giai đoạn cuối cùng của Đại Thừa, đồng thời còn thuộc về Đốn Giáo, là pháp môn đốn siêu. Nó cũng có chút phân ý nghĩa Viên Giáo, Lý Sự vô ngại, thông với kinh Hoa Nghiêm. Đại Thừa Chung Giáo nói về Pháp Tánh, tuy cũng nói về Pháp Tướng, nhưng những Pháp Tướng được nói tới cuối cùng đều quy vào Pháp Tánh. Kinh này cũng mang ý nghĩa ấy, vì trong kinh này dạy “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, hãy đặc biệt chú ý tới chữ Viên vì trong hết thảy các pháp môn không có chữ này! Ba thứ Bất Thoái Chuyển chính là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, trong thế gian chúng ta rất khó đạt được, quả thật chẳng dễ dàng! Vị Bất Thoái chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo; nói cách khác, bảo đảm chẳng lui sụt, đạt được bảo đảm. Điều này không chỉ cần phải có Thiền Định, mà còn cần trí huệ quán chiếu, vì sao? Trong Kiến Tư phiền não, nhất định phải đoạn tất cả tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới.

Nếu chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, dầu công phu định lực tốt đẹp tới đâu đi nữa, có thể sanh vào trời Tứ Thiên, hay có thể sanh vào cõi trời

Tứ Không, vẫn là lục đạo phàm phu! Sanh lên trời Tứ Thiên, khi thọ mạng trong cõi trời Tứ Thiên đã hết, vẫn phải đọa lạc! Tứ Không Thiên cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, vẫn phải đọa lạc, luân hồi! Phàm là địa vị càng cao, đọa lạc càng nặng. Khi thọ mạng của chư thiên Tứ Thiên, Tứ Không đã hết, nếu chẳng đọa địa ngục, sẽ đọa trong súc sanh đạo; hơn nữa, quá nửa là đọa địa ngục, đúng như câu nói: “*Trèo cao, ngã đau*”. Tiêu Thừa Sơ Quả công phu định lực chẳng bằng Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên, nhưng họ có trí huệ, có huệ giải, có thể đoạn phiền não. Các đồng tu thật sự học Phật nhất định phải chú ý: Phiền não chẳng đoạn, chẳng thể liễu sanh tử! Nếu quý vị chẳng bị phiền não quấy nhiễu, đời này có thể thành Phật; quý vị bị phiền não nhiễu loạn, e rằng đời sau chẳng dễ gì sanh trong hai đường trời người. Vấn đề này hết sức nghiêm trọng, ai cũng chẳng giúp được!

Đoạn trừ tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc là địa vị Kiến Đạo trong Tiêu Thừa. Vị ấy đã thấy đạo, thấy đạo rồi sẽ tu đạo, đó mới là Vị Bất Thoái, chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo. Vị ấy tu hành chứng quả cũng có kỳ hạn, bảy lần sanh trong cõi trời hay cõi người sẽ đoạn Tư Hoặc; Tư Hoặc đoạn rồi bèn chứng quả A La Hán. Sau khi đã chứng A La Hán, hồi Tiêu hướng Đại, mới có thể đạt đến Hạnh Bất Thoái. Hạnh Bất Thoái chẳng còn lui sụt xuống Nhị Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác); nói cách khác, vị ấy quyết định là Đại Thừa Bồ Tát, chẳng bị lùi xuống địa vị Tiểu Thừa. Niệm Bất Thoái là mong thành Phật, niệm niệm đều tinh tấn hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo. Đó gọi là “*niệm niệm lưu nhập biển Tát Bà Nhã*”, biển Tát Bà Nhã (Sarvajña) chính là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển nữa. Tuy vị ấy đã chứng ba thứ Bất Thoái Chuyển, nhưng chưa viên, “*viên*” là viên mãn! Viên mãn ba thứ Bất Thoái chính là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát đã viên chứng ba thứ Bất Thoái.

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị chẳng vãng sanh thì thôi, hễ vãng sanh, đâu chỉ là hạ hạ phẩm vãng sanh, đều viên chứng ba thứ Bất Thoái. Quý vị hãy suy nghĩ: Tiện nghi như thế tìm ở đâu ra! Ai nấy đều mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có vãng sanh hay chẳng? Nói thật ra, được vãng sanh hay không, chớ hỏi ai khác, hãy hỏi chính mình! Nếu người khác tán thán quý vị: “*Quý vị nhất định [vãng sanh] chẳng có vấn đề gì!*” Kể ấy hoàn toàn chẳng bảo đảm! Đến khi ấy, quý vị có thể vãng sanh hay không vẫn phải dựa vào chính mình. So với chuyện tu học các pháp môn khác, điều này vẫn tốt hơn nhiều lắm, vẫn dễ

đạt hơn nhiều. Thế nhưng quý vị vẫn phải tự trừ bỏ chướng ngại, tự buông vọng tưởng xuống! Chướng ngại chẳng thể trừ bỏ, vọng tưởng chẳng thể buông xuống được, thì một câu Phật hiệu chưa niệm đắc lực. Đối với công phu như vậy, trong lúc bình thường, chúng ta phải kiểm nghiệm, kiểm thảo xem câu Phật hiệu của chính mình có niệm đắc lực hay chưa. Đắc lực là gì? Khi ta niệm câu Phật hiệu này, quả thật có niệm trừ được phiền não, vọng tưởng của mình. Khi chẳng niệm Phật, phiền não, vọng tưởng lại dấy lên. Khi niệm Phật, quả thật có thể bỏ được phiền não, vọng tưởng; công phu như thế gọi là “đắc lực”. Nếu niệm tới niệm lui mà vọng tưởng phiền não vẫn dấy lên như cũ thì niệm Phật hiệu chẳng đắc lực! Chính mình phải tự hiểu tình huống này, làm cách nào để giúp cho chính mình có công phu đắc lực mới nắm chắc vãng sanh.

Cô đức cũng nói: “*Người niệm Phật phải thường dán một chữ Chết trên trán*”. Chúng ta phải hiểu dụng ý thật sự của câu nói này. Thứ nhất là nâng cao sự cảnh giác của chính mình; thứ hai là dạy chúng ta hãy buông xuống muôn duyên. Đó gọi là “*sanh ra chẳng mang theo gì đến, chết chẳng mang theo gì đi*”, “*muôn thứ đem chẳng được, chỉ có nghiệp theo thân*”, quý vị chẳng thể mang theo gì cả! Khuyến khích chúng ta hãy buông xuống! Thân tâm, thế giới, hết thấy đều buông xuống, công phu dễ đắc lực. Có ý niệm cảnh giác này, quý vị sẽ tinh tấn chẳng lười, chẳng dám khinh dễ, bỏ lỡ tháng ngày quý báu, dùng thời gian quý báu này để dấy vọng tưởng, vì sao chẳng dùng thời gian ấy để niệm Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Hoàn toàn chẳng giống nhau!

Quý vị thành Phật thì mới thật sự có thể yêu thương, che chở người nhà. Nếu quý vị chẳng thành Phật, vô dụng! Sau khi đã thành Phật, bất luận người nhà quyến thuộc ở trong nẻo nào, quý vị đều nhận biết, đều có thể tìm được họ, đều có thể giúp đỡ họ. Nếu quý vị chẳng thành Phật, chính mình một mực hồ đồ, người nhà quyến thuộc có đau thai vào nhà quý vị, quý vị cũng chẳng nhận biết, thật đấy! Có cha mẹ thân yêu nhất, con cái sau khi đã chết, bèn đầu thai làm chó, làm gà trong nhà mình, quý vị cũng chẳng biết, một mực giết chúng để ăn. Trong kinh Phật, chúng ta đã thấy [nói tới] điều này, do không biết mà!

“*Nhất niệm bất sanh*” là Phật, “*nhất tâm bất loạn*” chắc chắn thấy Phật; vì thế, nói là “*tông hồ Pháp Tánh*” (đề cao Pháp Tánh). Trong Pháp Tánh, lại chia thành Tổng và Biệt. Ý nghĩa Tổng là “*y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh*”. Đó là nghĩa chung, chúng ta hãy xem lời chú giải.

(Sớ) Thủ tiên nhị thuyết kiêm hợp ngôn chi, tổng vi Tông Thú, dĩ tiền thuyết bất cai y chánh, hậu thuyết vị tường tín nguyện, cố tu kiêm hợp, thử đắc vô di.

(疏)取前二說兼合言之，總為宗趣，以前說不該依正，後說未詳信願，故須兼合，始得無遺。

(Sớ: Lấy hai thuyết trên đây cùng gộp lại để nói, tổng hợp thành Tông Thú. Bởi lẽ, thuyết trước chẳng bao gồm y báo và chánh báo, thuyết sau chẳng nói rõ tín nguyện, nên phải hợp lại thì mới chẳng thiếu sót gì).

Liên Trì đại sư nhận định cách nhìn của cổ đức. Trong phần trước, dựa theo lời cổ đức, có bản chú giải lấy tín nguyện làm Tông, có những bản chú giải lấy y báo và chánh báo thanh tịnh làm Tông, ý nghĩa đều chẳng viên mãn, đều lệch vào một bên. Liên Trì đại sư nói: Ý chỉ chính xác phải gồm cả hai điều này. Vì thế, hợp thuyết “y báo và chánh báo thanh tịnh” và “tín nguyện vãng sanh” của cổ đức làm Tông Chỉ sẽ chẳng bị thiếu khuyết ý nghĩa.

(Sớ) Lương điều y chánh tín nguyện, kiêm bị giao tư, nhi đắc vãng sanh, giai bất xuất tự tâm cố.

(疏)良繇依正信願，兼備交資而得往生，皆不出自心故。

(Sớ: Ấy là vì y báo, chánh báo, tín nguyện đều trọn đủ, phụ trợ lẫn nhau, bèn được vãng sanh, đều chẳng ra ngoài tự tâm).

Có tín, có nguyện, nếu không có y báo và chánh báo trang nghiêm nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín và nguyện của chúng ta đều phí uổng; vì thế, nhất định phải nương vào “y báo và chánh báo thanh tịnh” để giúp đỡ “tín nguyện” của chúng ta. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp như thế thì mới khởi tín tâm, mới phát nguyện vãng sanh. Xem chuyện này trong kinh Vô Lượng Thọ, quý vị xem bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, vừa đọc bốn mươi tám nguyện bèn chẳng thể không [phát nguyện] vãng sanh! Thấy có thế giới tốt đẹp dường ấy, hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy, làm sao có thể không sanh về? Không nghe nói tới, chưa thấy, tín nguyện chẳng sanh khởi; chứ nghe rồi, thấy rồi, nhất định sẽ mong sanh về. “Tư” là tư trợ (資助: giúp đỡ), giúp đỡ quý vị, giúp quý vị sanh tín tâm, giúp quý vị phát nguyện, nầy sanh nguyện vọng cầu vãng sanh. Có y báo và chánh báo thanh tịnh của Tây Phương, mà nếu

chẳng có tín nguyện, cõi nước thanh tịnh ấy có liên quan gì với chúng ta đâu nhỉ? Chẳng có liên quan gì! Do vậy, nhất định phải có tín, có nguyện, như thế thì mới có thể giúp chúng ta đích thân chứng được hai thứ quả báo nơi y báo và chánh báo bên Tây Phương. Đủ thấy “y báo, chánh báo thanh tịnh” và “tín nguyện vãng sanh” là một, không hai!

“*Giai bất xuất tự tâm giả*” (đều chẳng ra ngoài tự tâm), chắc có kẻ hoài nghi, đã là “y báo, chánh báo, tín nguyện vãng sanh là Tông Thù”, cần gì phải nói “Pháp Tánh là Tông”? Do vậy, ở đây Liên Trì đại sư phải giảng giải rõ ràng. Cổ đức có vị nói kinh Hoa Nghiêm lấy “vô ngại thậm thâm pháp giới làm Tông”, cũng có người nói “lấy duyên khởi làm Tông, pháp giới duyên khởi chính là lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau”, cũng có người nói “lấy nhân quả làm Tông”. Đủ thấy đại đức đối với Tông Thù có cách nhìn không nhất định, mỗi người có cách nhìn riêng, đều nói có lý, tùy thuộc người ấy nhìn từ góc độ nào. Có rất nhiều cách nói, chúng ta đều có thể dùng làm tham khảo.

Trước khi đức Phật nhập Niết Bàn, đã răn dạy đệ tử đời sau, hãy nương theo Tứ Y Pháp! Tuân thủ Tứ Y Pháp sẽ giống hệt, chẳng khác gì đức Phật tại thế. Điều thứ nhất trong Tứ Y Pháp là “y pháp, chẳng y nhân”. Pháp là kinh điển, chúng ta phải nương tựa vào đó. “Nhân” là gì? Chú giải do con người viết lời giải thích; vì thế, từ xưa đến nay nhiều bản chú giải của cổ đức chỉ để cho chúng ta tham khảo. Chúng ta nương vào kinh, như thế thì mới chẳng có thiên kiến, chẳng đi sai đường. Bất luận cổ nhân nói như thế nào, chúng ta nghe thử, nếu hợp lý thì chọn lấy một phần, tôi quyết định chẳng hoàn toàn đi theo Ngài. Chính mình làm như vậy thì mới có thể khai ngộ, mới có kiến giải của chính mình. Nếu không, bị người khác xỏ mũi lôi đi, không được rồi! Thế nhưng có không ít đồng tu mắc phải bệnh này, hễ nghe, học điều gì đầu tiên sẽ coi điều ấy là chánh yếu, chịu ảnh hưởng của vị tổ sư đại đức tiếp xúc lần đầu, chấp trước kiến giải của vị ấy là đúng, bài xích những ý kiến bất đồng của người khác. Đó là làm lỗi, là “y nhân, chẳng y pháp”. Tuy tổ sư đại đức rất cao minh, họ chưa thành Phật, kiến giải của họ chưa phải là viên mãn rốt ráo, họ chỉ có thể thấy được một phần. Vì thế, chúng ta chỉ có thể dùng [kiến giải của họ] làm [tài liệu] tham khảo, chớ nên hoàn toàn vâng theo họ.

Kinh Hoa Nghiêm nói về hành vi của Bồ Tát vô cùng rõ ràng, lại còn nói đến tu hành chứng quả. Thanh Lương đại sư chia toàn bộ bản kinh thành bốn đoạn lớn là Tín, Giải, Hành, Chứng, thứ tự vô cùng tinh nghiêm, cuối cùng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Có người nói kinh Hoa Nghiêm “lấy Hải Ấn tam-muội lý thật làm

Tông”, có người bảo “lấy nhân quả và lý thật hợp làm Tông”, nhân quả là hạnh vị, lý thật là pháp giới. Đây là cách nhìn của cổ đức đối với kinh Hoa Nghiêm, rất tương tự cách nhìn của cổ đức đối với kinh này [như đã nói] trong phần trên. Hiền Thủ đại sư đã dung hợp rất nhiều cách nhìn của các đại đức từ xưa thành một; nay Liên Trì đại sư có cách nhìn này, chẳng phải là do Ngài sáng tạo, phát hiện, Ngài cũng có căn cứ: Ngài cũng tuân theo lời khải thị của Hiền Thủ đại sư.

(Sớ) Kỳ tổng vi Tông Thú giả, như Hoa Nghiêm lệ.

(疏) 其總為宗趣者，如華嚴例。

(Sớ: Tổng Tông Thú của kinh này phỏng theo [cách phán định Tông Thú] của kinh Hoa Nghiêm).

Giống như chúng tôi vừa mới nói với quý vị [những điều này].

(Sớ) Bỉ kinh diệc kiêm chúng thuyết, tổng nhân quả duyên khởi Lý Thật pháp giới dĩ vi Tông Thú cố.

(疏) 彼經亦兼眾說，總因果緣起理實法界以為宗趣故。

(Sớ: Kinh ấy cũng bao gồm các thuyết, gộp chung nhân quả, duyên khởi, Lý Thật, pháp giới làm Tông Thú).

Cách nói này rất có lý, Ngài cũng có căn cứ.

(Sớ) Nhược dục phân chi.

(疏) 若欲分之。

(Sớ: Nếu muốn tách ra).

Phân chia, vạch giới hạn rõ hơn một chút.

(Sớ) Thượng cú vi Tông, hạ cú vi Thú, nghĩa diệc tự minh.

(疏) 上句為宗，下句為趣，義亦自明。

(Sớ: Câu trên là Tông, câu dưới là Thú, ý nghĩa cũng tự sáng tỏ).

“Thượng cú vi Tông, hạ cú vi Thú” (câu trên là Tông, câu dưới là Thú), lấy kinh Hoa Nghiêm làm thí dụ, [Tông của] kinh Hoa Nghiêm là “nhân quả, duyên khởi”, đây là câu trên, là tông chỉ của kinh, “Lý Thật,

pháp giới” là Thú. Tuân theo thể lệ [phán định Tông Thú] của kinh Hoa Nghiêm, đối với kinh Di Đà, “*y báo, chánh báo thanh tịnh*” là Tông, “*tín nguyện vãng sanh*” là Thú.

(Sớ) Nhược dục gia chi, bỉ kinh gia bất tư nghị, kim kinh diệc nhĩ.

(疏) 若欲加之，彼經加不思議，今經亦爾。

(Sớ: Nếu muốn thêm nữa thì kinh kia (kinh Hoa Nghiêm) còn thêm vào “chẳng nghĩ bàn”, kinh này (kinh Di Đà) cũng thế).

Kinh Di Đà cũng là chẳng nghĩ bàn, cũng là kinh chẳng thể nghĩ bàn. Thêm vào theo cách nào? Lấy kinh này làm mẫu thì “*y báo và chánh báo thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn*” là Tông, “*tín nguyện vãng sanh chẳng thể nghĩ bàn*” là Thú. Tín nguyện vãng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt diệu!

Nhị, biệt minh.

(Huyền Nghĩa) Hựu biệt minh chi, tắc thành ngũ đối: Nhất giáo nghĩa, nhị Sự Lý, tam cảnh hạnh, tứ hạnh tịch, ngũ tịch dụng, dĩ vi Tông Thú.

二、別明

(玄義) 又別明之，則成五對：一教義，二事理，三境行，四行寂，五寂用，以為宗趣。

(Hai là nói riêng về Tông Thú của kinh này.)

Huyền Nghĩa: *Lại nói Tông Thú riêng của kinh này sẽ gồm năm cặp: Một là giáo nghĩa, hai là Sự Lý, ba là cảnh hạnh, bốn là hạnh tịch, năm là tịch dụng. Dùng [năm cặp ý nghĩa này] làm Tông Thú.*

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư giải thích Tông Thú cặn kẽ, mà cũng là đặc biệt đề cao công dụng của bộ kinh này, mục đích không gì chẳng nhằm mong chúng ta sẽ phát khởi tín nguyện chân chánh. Cách nói này quả thật cũng là bất đắc dĩ, vì thông thường, người thế gian xem nhẹ kinh này. Tuy người niệm tụng kinh Di Đà rất nhiều, trong giới Phật giáo chẳng coi trọng kinh này cho lắm. Phân lượng kinh này ngắn hơn những bộ kinh lớn như kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm quá nhiều. Thật ra, kinh Di Đà trọng yếu hơn tất cả các kinh, nhưng mọi người

chẳng biết giá trị. Vì thế, Liên Trì đại sư bất đắc dĩ phải tốn ngàn ấy tinh thần để phân tích cặn kẽ cho chúng ta!

[Sách Diễn Nghĩa nhận định]: “*Thế nhân đa nghi thử kinh văn nghĩa thô thiên*” (người đời phân nhiều ngờ kinh này là thô thiên), coi rẻ kinh này, coi thường kinh này, “*giáo nghĩa nhất đối tức dĩ phá trừ giá cá kiến giải*” (cặp ý nghĩa “giáo nghĩa” đủ để phá trừ kiến giải này), chuyên biến cách nhìn của chúng ta đối với kinh này. “*Ngu giả đa chấp Sự nhi mê Lý, Sự Lý nhất đối năng phá trừ tha*” (Kẻ ngu phân nhiều chấp Sự mê Lý, cặp ý nghĩa Sự Lý có thể phá trừ kiến chấp ấy). “*Cuồng vọng đích nhân đa chấp Lý nhi phế Sự, cảnh hạnh nhất đối tức dĩ phá chi*” (kẻ cuồng vọng phân nhiều chấp Lý phế Sự, cặp “cảnh hạnh” đủ để phá trừ). Có thể có kẻ ngờ pháp môn Niệm Phật là pháp hữu vi, chẳng phải là pháp vô vi. Pháp hữu vi nông cạn, không cao minh như pháp vô vi, chẳng bằng Thiên. “*Hạnh tịch nhất đối tức dĩ phá chi*” (một cặp hạnh tịch đủ để phá [kiến chấp này]). Cũng có người nghĩ “Niệm Phật là Tiểu Thừa giáo, [người tu Tịnh Độ] chỉ mong giải thoát cho riêng mình, chẳng phải là giáo pháp Đại Thừa viên mãn nhất, “*tịch dụng nhất đối tức dĩ phá chi*” (một cặp tịch dụng đủ để phá trừ). Đại sư dùng năm cặp [ý nghĩa] này để thuyết minh.

- Thứ nhất là “*giáo nghĩa*”: Giáo là ngôn giáo, Nghĩa là nghĩa lý. Người có trí huệ có thể từ một chữ hay một câu trong kinh văn mà hiểu vô lượng nghĩa, nhưng người ngu chỉ biết niệm tụng, chẳng hiểu ý nghĩa. Vì thế, chẳng thể không nêu tỏ [những ý nghĩa được bao hàm trong] cặp “giáo nghĩa”. Rốt cuộc, người trí ít ỏi, kẻ ngu đông đảo nên tất yếu phải thảo luận [“giáo nghĩa”].

- Thứ hai là Lý Sự, Sự là nói tới “*y, chánh, tín, nguyện*”, tức y báo, chánh báo, khởi lòng tin, phát nguyện, những điều này đều là Sự. Lý là tự tánh, là Pháp Tánh. Mỗi một điều trong Sự như “*y, chánh, tín, nguyện*” đều quy về, hòa nhập vào tự tánh, tức là: Lý và Sự là một, Sự là Sự của Lý, Lý là Lý của Sự, Lý và Sự chẳng hai. Đương nhiên đối với những kẻ chấp Sự mê Lý, họ chẳng hiểu chỉ thú chân thật của kinh này.

- Thứ ba là “*cảnh hạnh*”. Cảnh là cảnh pháp giới, mà cũng là A Di Đà Phật. Hạnh là tâm pháp giới, tức là nhất tâm chấp trì. A Di Đà Phật đã là cảnh pháp giới, nay chúng ta niệm một câu [Phật hiệu], dùng nhất tâm để xưng danh, há chẳng phải là dùng tâm pháp giới để nhập cảnh pháp giới ư? Có khác gì kinh Hoa Nghiêm hay chẳng? Chẳng khác gì! Do vậy, niệm một câu Phật hiệu, phải đặc biệt ghi nhớ, Phật, Tổ đều dạy chúng ta giống hệt: Nhất tâm xưng danh, nhất tâm đầy nhé! Nhất tâm là gì? Chẳng có ý niệm thứ hai thì là nhất tâm. Do vậy, khi niệm Phật, đừng nghĩ “ta

cầu nhất tâm”, vì “cầu nhất tâm bất loạn” là vọng niệm, là nhị tâm. Niệm A Di Đà Phật, trong tâm lại nghĩ đến nhất tâm bất loạn, vẫn mong thấy Phật, thấy tướng tốt lành, vận dụng cả đồng cái tâm vào niệm Phật, không được rồi, đó chẳng phải là nhất tâm niệm. Nhất tâm là thật thà, tức là khi chúng ta niệm Phật, ý niệm gì cũng chẳng nghĩ đến, cũng chẳng nghĩ đến nhất tâm, cũng đừng nghĩ tới vãng sanh, cũng đừng mong thấy Phật, chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, thật thà niệm một câu Phật hiệu. Đó gọi là “*nhất tâm xưng niệm*”, điều này rất quan trọng!

Vì thế, có kẻ hoài nghi: Chẳng phải là trong kinh dạy chúng ta phải cầu nhất tâm bất loạn đó sao? Dạy chúng ta phải cầu sanh thế giới Cực Lạc đó sao? Vì sao lại chẳng nghĩ đến? Không sai, kinh dạy như thế, [nhưng quý vị phải hiểu]: Dạy quý vị phải có nguyện ấy, nhưng đừng nên có cái tâm ấy. Quý vị có cái tâm ấy, tâm quý vị sẽ biến thành khá nhiều tâm! Quý vị phải có cái nguyện ấy! Đã có cái nguyện ấy, quý vị biết vì sao chúng ta niệm câu A Di Đà Phật? Ta niệm câu A Di Đà Phật để cầu nhất tâm. Trong tâm chúng ta mong cầu nhất tâm, thì sẽ chẳng đạt được nhất tâm. Nay đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: Niệm A Di Đà Phật có thể đắc nhất tâm, ta niệm A Di Đà Phật chẳng phải là để cầu nhất tâm bất loạn đó sao? Niệm A Di Đà Phật, trong tâm lại nghĩ đến nhất tâm bất loạn, tức là quý vị chẳng nhất tâm xưng danh, chẳng thật thà, vừa niệm A Di Đà Phật vừa khởi vọng tưởng!

Kinh dạy chúng ta: Niệm A Di Đà Phật có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cách nguyện như thế nào? Niệm A Di Đà Phật chính là phát nguyện. Quý vị chẳng niệm Phật sẽ chẳng thể vãng sanh; niệm Phật bèn có thể vãng sanh. Đủ thấy niệm một câu A Di Đà Phật, Tín - Nguyện - Hạnh đều trọn đủ. Quý vị chẳng biết ý vị này, cho rằng trong một câu Phật hiệu chẳng có gì hết, Tín cũng không có, Nguyện cũng chẳng có, nhất tâm bất loạn cũng chẳng có, thứ gì cũng đều không có. Quý vị niệm như vậy, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, quả thật là không có, vì sao? Vì trong tâm quý vị chẳng biết A Di Đà Phật có những gì. Niệm như vậy rất oan uổng! Cổ nhân nói: “*Rách toạc cuống họng cũng uống công*”. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ, bất cứ thứ gì cũng đều bao gồm trong một câu A Di Đà Phật; niệm một câu A Di Đà Phật có vô lượng vô biên công đức.

Nhất tâm xưng danh gọi là Nhất Hạnh tam-muội, cũng gọi là Nhất Tướng tam-muội. Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh đều biết: Muốn minh tâm kiến tánh thành Phật, làm Tổ, nhất định phải tu hai thứ tam-muội này.

Trong Tịnh Độ, hai thứ tam-muội ấy là một câu A Di Đà Phật; chỉ cần quý vị nhất tâm xưng niệm thì hai thứ tam-muội ấy đều đầy đủ.

- Thứ tư là “*hạnh tịch*”. Hạnh là Nhất Hạnh tam-muội, là nhất tâm xưng niệm. Tịch là Tịch trong Tịch Quang. Nói cách khác, nhất tâm xưng niệm có thể chứng quả báo Thường Tịch Quang. Kinh Hoa Nghiêm gọi quả báo Thường Tịch Quang là Nhất Chân pháp giới, hay “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*” (bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới). Quý vị dùng phương pháp khác để tu sẽ rất phiền phức, rất khó tu thành công; nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, dùng phương pháp này dễ dàng, có thể hoàn thành trong một đời. Mấu chốt là nhất tâm xưng niệm, khi niệm Phật đừng nên khởi vọng tưởng!

- Thứ năm là “*tịch dụng*”, Tịch là bản thể Thường Tịch, Dụng là häng sa diệu dụng. Hai chữ Tịch Dụng hoàn toàn nói về cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Đây là nói đến viên mãn rốt ráo nhất, là Phật quả trong Viên Giáo. Phật đích thân chứng bản thể Thường Tịch, Chân Như bốn tánh. “Thường” là vĩnh viễn chẳng biến đổi, “Tịch” là thanh tịnh tịch diệt, vĩnh viễn là tướng tịch diệt thanh tịnh. Khi khởi tác dụng, sẽ là vô lượng vô biên, rộng độ chúng sanh. Đây mới là ý chỉ màu nhiệm của Đại Thừa. Xin hãy xem chú giải:

(Sớ) Nhất, Giáo Nghĩa nhất đối giả, dĩ giáo vi Tông, linh đạt nghĩa vi Thủ. Ngôn sùng thượng thứ niệm Phật vãng sanh chi giáo.

(疏)一、教義一對者，以教為宗，令達義為趣，言崇尚此念佛往生之教。

(Sớ: Cặp thứ nhất là “giáo nghĩa”: Dùng Giáo làm Tông, khiến cho thông đạt nghĩa lý là Thủ, đề cao giáo pháp niệm Phật vãng sanh này).

“*Sùng*” (崇) là đề cao, chúng ta đặc biệt đề cao bộ kinh này. Bộ kinh này là sách giáo khoa của Thích Ca Mâu Ni Phật ban cho chúng ta. Nay trong nhiều bộ sách giáo khoa, chúng ta đặc biệt đề cao bộ này là do ý nghĩa nào? Ý tưởng chánh yếu của bộ sách giáo khoa này là dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; nhưng nếu chúng ta hỏi: Vì sao Phật muốn dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ?

(Sớ) Kỳ ý vân hà? Chánh dụng hiệu hội kinh trung sở thuyết A Di Đà Phật chánh báo, y báo thanh tịnh trang nghiêm.

(疏)其意云何？正欲曉會經中所說阿彌陀佛正報依報清淨莊嚴。

(Sớ: Có ý nghĩa như thế nào? Chính là vì muốn [cho người nghe] biết chánh báo và y báo thanh tịnh trang nghiêm của A Di Đà Phật như trong kinh đã nói).

Vì sao dạy quý vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ? Nhằm nói với quý vị, chánh báo (thân thể) trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh trang nghiêm. Cái thân mà chúng ta có trong thế gian này chẳng kiên cố, sanh, lão, bệnh, tử, thọ mạng ngắn ngủi. Hễ ăn uống không cẩn thận một tí, ngay lập tức thân thể ngã bệnh; trúng phong hàn một chút bèn cảm mạo, thân thể hết sức yếu ớt! Thân thể bên Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là cái thân Kim Cang bất hoại mà lòng chúng ta thường hâm mộ, vĩnh viễn chẳng sanh bệnh. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng mở tiệm thuốc, chẳng có thầy thuốc, thọ mạng vô cùng dài, vô lượng thọ mà! Đức Phật vô lượng thọ, phàm ai sanh về nơi đó đều là vô lượng thọ, thọ mạng dài. Ở nơi này, chúng ta nếu thọ mạng dài, sống lâu bèn già nua, già nua bèn kém sáng suốt, chịu nỗi khổ tuổi già! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trường thọ nhưng chẳng già. Quý vị nghĩ xem, quý vị có muốn về đó hay không? Đừng nói gì khác, chỉ nghe nói điều tốt đẹp này, bèn vội vàng sanh sang đó. Các thế giới của chư Phật trong mười phương đều chẳng có tình hình này, cho nên mới nói: “*Các cõi Phật mười phương, A Di Đà đệ nhất*”. Đây là nói đến y báo, chánh báo, y báo là hoàn cảnh. Hoàn cảnh nơi ấy quá tốt đẹp.

Theo dự ngôn của Đông phương và Tây phương từ năm nay trở đi, thế giới mỗi năm một hỗn loạn dữ dội hơn; do vậy, hoàn cảnh của chúng ta không tốt! Hoàn cảnh nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy, vì sao chẳng sanh về? Giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đều có thể [thoát nạn] kịp lúc, thời gian ba năm hay năm năm là đủ rồi. Sau khi chúng ta tu thành công pháp môn này, thích đi khi nào bèn đi khi ấy, đến ngày địa cầu bị hủy diệt cũng không sao cả, ta đi rồi! Quý vị tự tại lắm, chẳng gặp nạn. Quý vị chẳng có bản lãnh ấy, sẽ bị gặp nạn, chịu sự uy hiếp ấy.

Nay tôi nói thật thà: Học Phật mà tu các pháp môn khác, sẽ [trở tay] chẳng kịp. Chẳng phải là các pháp môn khác không hay, [chỉ vì] các pháp môn khác chẳng nhanh chóng như vậy. Giáo pháp này là Đại Thừa Chung Giáo, Đại Thừa Đốn Giáo. Đốn là nhanh chóng, nhanh hơn Thiên! Thiên kém xa Tịnh, vì Thiên mà chưa minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới; dầu sanh lên trời Tứ Thiên vẫn chẳng thể thoát khỏi luân

hồi. Người ấy có thể tránh khỏi tai nạn trên địa cầu, nhưng chưa ra khỏi lục đạo luân hồi, cho nên vẫn kém xa [hành nhân] nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là nói về những đạo lý được bao hàm trong giáo nghĩa, [tức là đạo lý] vì sao chúng ta phải niệm Phật cầu vãng sanh.

(Sớ) Tín chi nguyện chi.

(疏) 信之願之。

(Sớ: Tín rồi nguyện).

Chúng ta hiểu rõ giáo nghĩa này sẽ tin tưởng. Chúng ta tin tưởng chuyên niệm Phật vãng sanh, cũng muốn ra đi, bèn phát ra cái nguyện ấy.

(Sớ) Tác sanh bỉ quốc.

(疏) 則生彼國。

(Sớ: Sẽ sanh về cõi ấy).

Đây là kết quả, nhất định có thể sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật.

(Sớ) Giáo trung hữu như thị nghĩa, thị kỳ Thú dã.

(疏) 教中有如是義，是其趣也。

(Sớ: Trong Giáo có nghĩa như vậy, đấy chính là Thú của nó).

“Giáo” là Tông, ý nghĩa [của Giáo] là hướng về (Thú).

(Sớ) Bất đồ vi ngữ ngôn văn tự nhi dĩ.

(疏) 不徒為語言文字而已。

(Sớ: Chẳng phải chỉ là ngôn ngữ, văn tự mà thôi).

Chẳng phải chỉ là ngôn ngữ, văn tự. Cổ đức nói: “Suốt ngày chuyên kinh, chẳng biết là suốt ngày bị kinh chuyển”. Trong Lục Tổ Đàn Kinh cũng có ý nghĩa này. Thiền sư Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn biến, đến gặp Lục Tổ [với thái độ] rất ngạo mạn. Lục Tổ vừa thấy thái độ của ông ta liền biết ngay, Ngài nói: “Trong bụng ông nhất định có thứ gì đó khiến ông cảm thấy mình rất phi thường, nên rất ngạo mạn”. Pháp Đạt thưa là chính mình đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày niệm một biến, ba ngàn bộ mất mười năm! Kinh niệm nhuyễn như, nhưng chẳng

hiểu ý nghĩa, chỉ biết niệm kinh, chẳng hiểu ý nghĩa. Sư hằng ngày chẳng chuyên Pháp Hoa, mà bị Pháp Hoa chuyên. Chuyên như thế nào? Do niệm nhiều kinh như thế, cảm thấy chính mình có công đức rất lớn, người khác chẳng sánh bằng, ngạo nghễ, ngã mạn. Kẻ khác chẳng niệm kinh ấy, đối với người khác rất khiêm hư, cho rằng ta cái gì cũng không có, khách sáo đối với người khác, điều gì ta cũng thua người khác. Niệm kinh nhiều ngàn ấy, cảm thấy chính mình ghê gớm lắm, bị kinh chuyên rồi, làm mất rồi! Vì thế, Lục Tổ khai thị cho Sư, cảnh tỉnh Sư, dạy Sư phải liễu giải nghĩa thú và nghĩa lý trong kinh; đây mới là “chuyên kinh”. Vì thế, đọc kinh nhất định phải hiểu Lý; nếu chẳng hiểu Lý, sẽ bị kinh xoay chuyên. Bị kinh xoay chuyên chính là như Thanh Lương đại sư đã nói: “*Tăng trưởng tà kiến*”. Quý vị chẳng hiểu nghĩa chân thật trong kinh. Quý vị niệm càng nhiều, tà kiến càng lắm, tăng trưởng tri kiến, tăng trưởng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Nếu thật sự thông đạt nghĩa lý trong kinh, càng đọc kinh này, tâm địa càng thanh lương, phiền não càng ít, phân biệt, chấp trước càng ít. Quý vị chuyên được kinh đây!

Vì thế, nhiều người trẻ tuổi hiện thời chẳng biết phương pháp nghiên cứu kinh Phật, họ đọc càng nhiều thì càng giống như thiền sư Pháp Đạt: Con mắt dần dần trợn ngược lên đỉnh đầu, coi thường kẻ khác, ngỡ mình học rộng, nghe nhiều, làm lẫn quá đỗi! Ngay cả học vấn thế gian cũng có chỗ kỵ hủ này! Pháp thế gian cũng thường nói: “*Khi học vấn sâu, ý khí bình*”. Người càng có học vấn, càng khiêm hư. Người càng có học vấn, có đạo đức, càng cảm thấy chẳng bằng ai, càng chẳng dám khinh mạn người khác. Đây là thật sự có học vấn, có đạo đức, quyết chẳng phải là nói ta đọc càng nhiều sách, càng có học vấn, càng coi thường người khác! Càng có học vấn, càng tự kiêu, tự đại, chẳng có lẽ ấy!

“*Bất đồ vi ngữ ngôn, văn tự nhi dĩ*” (chẳng phải chỉ có ngữ ngôn, văn tự mà thôi). Ý nghĩa này hết sức sâu. Cổ đức đã từng nói: “*Tụng kinh thiên quyển, bất như giải kinh nhất kệ*” (Tụng một ngàn quyển kinh, chẳng bằng hiểu một bài kệ trong kinh). Một kệ là bốn câu. Quý vị đọc một ngàn cuốn kinh, chẳng bằng hiểu ý nghĩa của bốn câu kệ; vì quý vị hiểu ý nghĩa bốn câu kệ, sẽ dùng cả đời chẳng hết! Niệm một ngàn bộ kinh, nhưng chẳng hiểu ý nghĩa, khác nào niệm uổng công!

(Sớ) Nhị, Sự Lý nhất đối giả, dĩ Sự vi Tông, linh hiển Lý vi Thú.

(疏) 二、事理一對者，以事為宗，令顯理為趣。

(Sớ: Cặp thứ hai là Sự Lý, lấy Sự làm Tông, khiến cho Lý hiển lộ là Thú).

Năm cặp này đều có ý nghĩa liên quan, tầng sau sâu hơn tầng trước. Cặp “*giáo nghĩa*” trong tầng trước cạn nhất, càng về sau [mỗi cặp ý nghĩa] càng sâu hơn.

(Sớ) Thừa thượng nhất kinh ngôn giáo.

(疏) 承上一經言教。

(Sớ: Tiếp nối ngôn giáo của một kinh như [đã nói] trong phần trước).

Tiếp theo những điều đã nói ở trên.

(Sớ) Câu ước sở thuyên chi nghĩa, nhi nghĩa trung phục hữu Sự Lý.

(疏) 俱約所詮之義，而義中復有事理。

(Sớ: Đề dựa theo những nghĩa lý được giảng [trong kinh mà lập ra cặp ý nghĩa thứ hai này], nhưng trong nghĩa lý lại có Sự và Lý).

Sự và Lý do đâu mà có? Phần nghĩa lý trong giáo nghĩa lại có Sự và Lý; lấy Sự làm Tông, lấy Lý làm Thú.

(Sớ) Ngôn sùng thượng thử y chánh tín nguyện đẳng sự, kỳ ý vân hà? Chánh dục hiển phát Sự trung sở cụ chí Lý, thị kỳ Thú dã.

(疏) 言崇尚此依正信願等事，其意云何，正欲顯發事中所具至理，是其趣也。

(Sớ: Đề cao những chuyện như y báo, chánh báo, tín, nguyện v.v... là vì ý gì? Chính là muốn nêu rõ trong Sự có trọn đủ Lý tốt cùng, lấy đó làm Thú [của bộ kinh này]).

“*Chí Lý*” có hai ý nghĩa:

- Một là “*tùy văn nhập quán*”, đây cũng chính là như cổ nhân đã dạy chúng ta, nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*” (dung hợp, quy về tự tánh), có ý nghĩa ấy! Quý vị nghe kinh giảng các Sự, bèn có thể quy hết các Sự ấy về tự tánh, đó là Lý, Lý chính là tự tánh của quý vị. Tu hành phải “*chuyển Thức thành Trí*”, hai câu này (tức “*tiêu quy tự tánh*” và “*chuyển Thức thành Trí*”) chính là tổng cương lãnh tu hành trong Phật môn chúng ta. Nghe kinh phải tiêu quy tự tánh, mà đọc kinh cũng phải tiêu quy tự tánh, phải quy về chính mình. Có thể quy về chính mình, quý

vị mới hiểu kinh giáo liên quan hết sức mật thiết với chính mình. Tuy chuyện ấy do chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra, nhưng đây chính là nói về những ý nghĩ trong tâm chúng ta. Những điều này có phải là ý nghĩ của Phật hay không? Chẳng phải! Chúng là những ý nghĩ trong tâm của chính chúng ta bị đức Phật nói ra, đó là “*quy về tự tánh*”. Chính mình chẳng nói ra, người khác nói ra những ý nghĩ trong tâm của chính mình, hãy quy về tự tánh!

- Thứ hai là “*y Sự tu tạo*” (nuông theo Sự để tu tập, tạo tác): Chiếu theo Sự, Sự chính là “*y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín nguyện vãng sanh*”, chúng ta chiếu theo những chuyện ấy để nghiêm túc tu học, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sáng tỏ Lý tự tánh duy tâm, đích thân chứng “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật sẽ chứng đắc cảnh giới ấy. Đây chính là nghĩa thú quan trọng trong cặp Sự Lý.

(Sớ) *Bất đồ vi sự duyên chi tích nhi dĩ.*

(疏) 不徒為事緣之跡而已。

(Sớ: *Chẳng phải chỉ là dấu vết nơi sự duyên mà thôi.*)

“*Đồ vi sự duyên chi tích*” (chỉ là dấu vết nơi sự duyên), ở đây có hai tình huống:

- Một là đọc sách chấp chết cứng, đọc đến mức ngây ngốc. Tuy hằng ngày đọc sách, chẳng hiểu đạo lý trong ấy. Kẻ ấy hằng ngày đọc, có thể nói suốt ngày dùi mài nơi từng trang giấy cũ, chết cứng trong từng hàng chữ. Loại người như vậy rất đáng tiếc.

- Tình huống thứ hai là hằng ngày niệm Phật, cầm xâu chuỗi “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, nhưng chẳng biết vì sao phải niệm Phật! Chẳng thể quy Phật hiệu về tự tánh. Vì thế, tôi thường nói: Chúng ta niệm một câu Phật hiệu sáu chữ “*nam-mô A Di Đà Phật*”, hoặc niệm bốn chữ A Di Đà Phật, bốn chữ hay sáu chữ đều là cùng một câu. Từng câu từng chữ đều bao hàm Tín - Nguyện - Hạnh, đều bao hàm y báo, chánh báo, thanh tịnh trang nghiêm, đều bao hàm Giác - Chánh - Tịnh, và cũng bao gồm Giới - Định - Huệ, lục độ, vạn hạnh, không có gì chẳng bao hàm!

Từng câu, từng chữ trong Phật hiệu là sống động, hoạt bát! Quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, suốt ngày từ sáng đến tối lần chuỗi, cổ nhân bảo “*rách toạc cuồng hợng vẫn uống công*”. Thậm chí còn có những kẻ hiểu lầm, trong quá khứ tôi đã nghe đồng tu kể: Có những kẻ niệm Phật để làm

gì? Họ nói niệm Phật một tiếng là được một đồng, mai sau chết đi vào trong cõi Âm, tôi niệm Phật càng nhiều càng nhiều tiền! Người còn chưa chết đã chuẩn bị làm quỹ, tích trữ tiền bạc trong cõi Âm để tương lai làm một con quỹ giàu có, chẳng thành quỹ đối, lắm lần quá đối!

Do đây có thể biết: Niệm Phật chẳng thể không hiểu lý! Cũng có những kẻ hoài nghi, cũng có người nghe rồi coi rẻ. Sách vở từ xưa cũng đã ghi chép có kẻ chưa từng nghe kinh, chẳng hiểu đạo lý, vì sao niệm Phật cũng được vãng sanh? Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện đều có chuyện như vậy, thậm chí trong thời gần đây cũng có. Kẻ rất ngu si, chẳng biết chữ, chưa từng học hành, chuyện gì cũng chẳng hiểu, niệm một câu A Di Đà Phật bèn được vãng sanh. Quý vị phải hiểu, tuy người ấy cái gì cũng không biết, nhưng người ấy có tín nguyện. Quý vị hỏi: Niệm Phật để làm gì? [Người ấy đáp]: Tôi muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người ấy biết! Tuy người ấy chẳng biết nhiều, biết một chút là đủ rồi! Người ấy có thể niệm Phật vãng sanh do người ấy đã nhất tâm xưng niệm. Chúng ta thường nói là “thật thà niệm Phật”, người ấy niệm Phật chẳng khởi vọng tưởng, niệm lâu ngày, người ấy bèn thành công.

Vì thế, đối với người niệm Phật, quan trọng nhất là phải buông xuống. Nói “buông xuống” chính là thật sự không có vọng tưởng, hết thấy đều tùy duyên, quyết định chẳng phan duyên, phan duyên là chưa buông xuống được! Phan duyên là gì? Trong tâm nhất định phải làm như thế này như thế nọ, đấy là phan duyên! Tùy duyên là tùy thuận hoàn cảnh, cảnh nghịch xảy đến bèn vãng chịu. Vì sao? Tâm tùy duyên bèn thanh tịnh, bình đẳng; tâm phan duyên chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Điều này có mối quan hệ mang tánh chất quyết định đối với chuyện niệm Phật vãng sanh của chúng ta. Vì thế, thứ gì cũng đều phải buông xuống, điều gì trong cuộc sống trước mắt cũng đều là tốt đẹp, trong cảnh giới thật sự tu cái tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, từ bi. Ba tâm này nhất định giúp chúng ta vãng sanh. Chánh trợ song tu, chánh tu là một câu A Di Đà Phật, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi; trợ tu là dùng cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi trong hết thấy hoàn cảnh nhân sự. Người như vậy không ai chẳng vãng sanh; đã thế, vãng sanh nhất định có tướng lành, biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, lúc mất chẳng ngã bệnh, nói “đi” bèn “đi”. Cận đại, có người đứng mất hoặc ngồi qua đời.

Hôm qua tôi đi xem phim, mấy chục năm tôi chưa hề xem phim. Có thể chắm phim Lục Tổ Truyện được sáu mươi điểm, miễn cưỡng coi như cũng đạt! [Cuộc đời] Lục Tổ có rất nhiều chỗ quan trọng, rất khiến

người ta cảm động, rất dễ khơi gợi người khác, nhưng phim chưa thể hiện được, rất đáng tiếc. Lục Tổ ra đi rất tự tại. Triệu tập đại chúng, bảo mọi người, khi nào ta sẽ ra đi, các ông có điều gì hãy hỏi mau! Trước khi Ngài tịch một năm đã hé lộ tin ấy. Quý vị đọc Đản Kinh thấy Ngài biết trước lúc mất, phái hai người về quê hương Ngài, dựng tháp tại chùa Quốc Ân. Tuy trước khi mất một năm, Ngài chẳng nói rõ, nhưng chuyện này cũng giống như ngầm báo. Trước khi mất một tháng, Ngài mới tuyên bố rõ ràng Ngài sắp ra đi. Chuẩn bị tất cả hậu sự cả năm trước, chẳng ngã bệnh. Khi Ngài ra đi bèn khai thị, nói xong, bảo mọi người: “Ta đi đây”. Ngồi viên tịch, chẳng sanh bệnh. Cận đại, pháp sư Đàm Hư cũng không khác lắm! Quý vị đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục thấy Đàm Hư đại sư viên tịch tại Hương Cảng, cũng triệu tập các môn đệ của Ngài, dặn dò xong, rất an tường ngồi yên qua đời.

Quý vị nói chúng tôi là người xuất gia, kể tại gia sợ làm không được. Tôi lại thưa cùng quý vị: Ở San Francisco có một vị lão cư sĩ là bà Cam, bà ta có một người thân thích, cũng là một bà cụ suốt đời niệm A Di Đà Phật, thân thể rất mạnh khỏe. Khi cụ mất, cũng ngồi qua đời, ra đi trong đêm, người nhà còn đang ngủ, cụ ngồi trên giường, chẳng ngủ. Cụ xếp bằng tịnh tọa trên giường. Đến sáng hôm sau, không thấy cụ mở cửa phòng, người nhà cảm thấy rất lạ lùng: Sao hôm nay bà cụ trễ quá mà chưa dậy? Bà cụ vốn lo việc nhà, nấu cơm, chăm sóc cháu bé là chuyện của cụ. Rất lâu vẫn chưa thấy cụ dậy, gõ cửa phòng, gõ cửa chẳng thấy cụ ừ hử, bèn mở cửa phòng. Mở cửa ra, thấy bà cụ ngồi trên giường, gọi cụ, cụ chẳng trả lời. Xem kỹ, cụ đã mất rồi. Không chỉ đã mất, mà còn biết trước lúc mất, áo tang của mọi người lớn nhỏ trong nhà, chẳng biết cụ đã may sẵn từ lúc nào, từng bộ xếp ngay trước mặt cụ!

Bà cụ ấy rất thú vị, đã sớm biết trước, đã sớm chuẩn bị chu đáo, cụ ra đi! Cụ chẳng nói với người nhà, hề nói, sẽ đi không được. Đại khái là người trong nhà vừa khóc vừa làm ồn, cụ bị não loạn, không có cách nào ra đi được! Quý vị thấy cụ ra đi thông dong ngàn ấy, tự tại dường ấy. Đến khi người nhà phát hiện, cụ đã đến thế giới Cực Lạc rồi! Đó là một vị nữ cư sĩ tại gia, hằng ngày làm việc nhà, hằng ngày bận bịu chăm lo cuộc sống của mọi người, mà cụ tự tại ngàn ấy, cụ chuẩn bị nhiều việc dường ấy. Quý vị bèn hiểu: Tối thiểu là [cụ biết trước lúc mất] một tháng trước đó. Nếu không, đồ tang nhiều như vậy, chẳng thể nào may xong trong một hai hôm được! Nhất định là cụ may mà người nhà vẫn không biết, không có ai trông thấy, chắc chắn cụ phải may trong đêm khi mọi người đã ngủ nên không ai biết! Tối thiểu là trước đó một tháng. Đây là hàng tại gia cư

sĩ. Vì thế, biết trước lúc mất, ra đi tự tại, chẳng phải chỉ lợi ích cho hàng xuất gia, mà hàng tại gia cũng làm được! Quý vị thấy bà cụ cao minh lắm, thật sự cao minh! Đây là người hiện thời, chẳng phải cổ nhân. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này!